

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Căn cứ Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và giai đoạn 2021-2025;

Trường mầm non Tuổi Ngọc báo cáo phòng Tài chính - Kế hoạch cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Trường mầm non Tuổi Ngọc đã triển khai và xây dựng Kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực, đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nhiệm vụ thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

Tiếp tục quán triệt, phổ biến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng chống tham nhũng; các Nghị quyết của Đảng, văn bản Pháp luật của Nhà nước và của Ngành: Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 84/2014-NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thông tư số 188/2014-TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý để nghiên cứu, quán triệt, học tập; Vận động cán bộ, viên chức, người lao động nêu cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí ngân sách, tài sản công, điện, nước, văn phòng phẩm...

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022:

1. Trong quản lý chi ngân sách :

1.1 Công tác lập và phân bổ dự toán:

Việc lập và phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 được xây dựng trên chế độ, tiêu chuẩn định mức, các mục tiêu, nhiệm vụ phục vụ cho việc phát triển

kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân thành phố, bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Thành phố và Bộ Tài chính.

1.2. Công khai ngân sách:

Thực hiện tốt việc công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm ngay sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

Thực hiện công khai, minh bạch các khoản thu chi của cha mẹ học sinh; các khoản ủng hộ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cha mẹ học sinh;

Công khai việc thực hiện các chế độ, định mức tiêu chuẩn của cán bộ, viên chức, người lao động.

Hiệu trưởng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị trên bảng tin, định mức khoán và quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

1.3. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Nhà trường đang xây dựng phương án thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát sử dụng ngân sách:

Nhà trường sử dụng ngân sách và tự tổ chức kiểm tra tài chính đơn vị mình đúng theo quy định của Bộ Tài chính. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra với các mục thu chi tài chính được kiểm tra giám sát hàng tháng.

Tổ chức kiểm tra và đánh giá công tác kiểm tra về thu chi các khoản thu đầu năm học, giám sát chi tiêu tài chính và mua sắm tài sản kịp thời, nghiêm túc.

2. Trong quản lý, sử dụng tài sản công:

2.1. Về mua sắm, trang bị tài sản:

Trong công tác quản lý, hiệu trưởng chỉ mua sắm trang thiết bị tài sản, sử dụng ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Thực hiện các trình tự thủ tục mua sắm đúng quy định.

III. Phân tích, đánh giá:

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Trường mầm non Tuổi Ngọc đã thực hiện xuyên suốt, với sự quyết tâm cao và đạt được một số kết quả khá khả quan trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công tác quản lý hành chính đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong nhà trường và được 100% cán bộ, viên chức, người lao động nhất trí cách chi trong

quy chế; việc sử dụng nguồn kinh phí ngân sách đúng theo quy định và tiết kiệm tối đa, không để xảy ra lãng phí.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc đúng tiêu chuẩn, định mức. Cán bộ, viên chức, người lao động đã nâng cao tinh thần, thái độ làm việc, tăng cường nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của mình, góp phần thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả.

2. Những tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: đặc thù trường mầm non do khối lượng công việc chuyên môn trang trí, hình ảnh minh họa cho trẻ nhiều nên khối lượng hồ sơ phát sinh nhiều so với kế hoạch đề ra nên đã phát sinh chi phí cho các khoản văn phòng phẩm vượt định mức. Chi phí tiền điện, nước sạch trong khi thời gian đơn vị hoạt động bình thường luôn vượt định mức.

Việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn còn hạn chế; công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, liên tục; trong quản lý tài sản còn chưa thực sự chặt chẽ.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo:

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và triển khai thực hiện rộng rãi trong cán bộ công chức.

Tiếp tục thực hiện công tác công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng ngân sách; xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng, mua sắm tài sản công theo quy định.

Tiếp tục tăng cường quản lý sử dụng ngân sách, tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí.

Việc mua sắm, sửa chữa tài sản, phải đảm bảo đúng mục đích, tránh lãng phí.

2. Các giải pháp:

Nghiêm túc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản và thu chi tài chính trong nhà trường.

Có hình thức khen thưởng những cá nhân có thành tích nổi bật, gương mẫu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Kiên quyết xử lý các trường hợp cố tình vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

(Đính kèm Phụ lục 02 theo TT188, phụ lục 05 theo TT129)

Trên đây là báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2022 của Trường mầm non Tuổi Ngọc, kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Phương Thảo



KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: năm 2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng			25,59			
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng			1,49			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng			4,80			
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng			19,30			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1.	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						Thống kê số lượng tài sản đã thanh lý trong năm 2022
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thẩm định đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Tổng chi phí đầu tư tiết kiệm được, trong đó:	triệu đồng						
	Thẩm định phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác	dự án						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối năm	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan thực hành TK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan thực hành TK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						